DANH SÁCH HSSV BỊ CẢNH BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP

Khoá: 51,52 **Học kỳ: 2** **Năm học: 2025-2026**

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
I. Hệ CAO ĐẲNG													
Khoa CNTT&TT													
Ngành/Nghề: Công nghệ thông tin (K51: CNTT1=24TC, CNTT2=13TC; K52: CNTT=20TC;K52: LTCNTT=15TC)													
1	Lê Trung Hiếu	51CNTT1	15/11/2005	0,81	15	Lần 1			Lần 2			Buộc thôi học	
2	Đào Xuân Hoan	51CNTT2	02/01/2006	1,27	4							Lần 1	
3	Khúc Chí Mạnh	52CNTT	21/04/2007	1,21	8							Lần 1	
4	Nguyễn Quang Minh	52LTCNTT	30/04/2007	0,21	12							Lần 1	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
5	Lê Đức Tài	52LTCNTT	16/05/2007	0,43	12							Lần 1	
Khoa Công nghệ nhiệt lạnh													
Ngành/Nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (K51: KTML1= 16TC; KTML2=16TC), (K52: KTML1=20TC; KTML2=13TC)													
6	Lê Vĩnh Khang	51KTML1	11/10/2006	0,00	16							Lần 1	
7	Vũ Cảnh Lâm	51KTML1	07/08/2006	0,00	16					Lần 1		Lần 2	
8	Trần Đức Mạnh	51KTML1	26/08/2006	0,00	16					Lần 1		Lần 2	
9	Nguyễn Văn Quang	51KTML1	18/12/2002	0,00	16							Lần 1	
10	Mai Ngọc Thế	51KTML1	29/01/2005	0,00	16					Lần 1		Lần 2	
11	Lê Tuấn Việt	51KTML1	17/01/2006	0,00	16					Lần 1		Lần 2	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
12	Mai Thanh Cảnh	51KTML2	29/03/2006	1,06	9			Lần 1				Lần 2	
13	Âu Trung Kiên	51KTML2	19/04/2004	0,00	16			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
14	Nguyễn Quang Dũng	52KTML1	10/07/2004	0,00	20						Lần 1	Lần 2	
15	Nguyễn Hải Đăng	52KTML1	19/05/2007	0,00	20						Lần 1	Lần 2	
16	Trịnh Văn Đông	52KTML1	09/11/2005	0,00	20						Lần 1	Lần 2	
17	Ngô Viết Lợi	52KTML1	03/07/2006	1,30	8							Lần 1	
18	Quách Phúc Thành	52KTML1	28/07/2003	0,00	20							Lần 1	
19	Lường Văn Bảo Thiệp	52KTML1	11/11/2007	0,00	20							Lần 1	
20	Nguyễn Anh Tuấn	52KTML1	15/11/2007	0,00	20							Lần 1	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
21	Nguyễn Trọng Đức	52KTML2	05/11/2007	0,00	13							Lần 1	
Ngành/Nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí (K52: KTCK=19TC)													
22	Nguyễn Nhật Nam	52KTCK	07/06/2007	0,00	19						Lần 1	Lần 2	
Ngành/Nghề: Công nghệ ô tô (K52: 52CNOT=15TC)													
23	Nguyễn Đăng Khôi	52CNOT	08/11/2007	0,50	12							Lần 1	
Khoa ĐT-VT													
Ngành/Nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (K51: ĐĐT1=20TC; ĐĐT2=TC),(K52: ĐĐT1=16TC; ĐĐT2=16TC; K52: LTĐĐT=5TC)													
24	Nguyễn Bá Điều	51ĐĐT1	10/05/2005	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
25	Bùi Đình Hà	51ĐĐT1	16/11/2006	0,00	20							Lần 1	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
26	Nguyễn Đăng Hiếu	51ĐĐT1	19/06/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
27	Nguyễn Minh Khải	51ĐĐT1	10/10/1987	0,00	20					Lần 1		Lần 2	
28	Hoàng Chung Nương	51ĐĐT1	21/06/2003	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
29	Nguyễn Đình Phúc	51ĐĐT1	18/05/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
30	Nguyễn Văn Quyết	51ĐĐT1	25/12/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
31	Đào Thái Sơn	51ĐĐT1	06/10/2005	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
32	Bùi Quang Thủy	51ĐĐT1	03/02/2006	0,00	20					Lần 1		Lần 2	
33	Đỗ Cao Trí	51ĐĐT1	11/02/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
34	Hoàng Việt	51ĐĐT1	08/07/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
35	Nguyễn Duy Phúc An	51ĐĐT2	05/09/2004	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
36	Vũ Việt Anh	51ĐĐT2	06/10/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
37	Nguyễn Tùng Dương	51ĐĐT2	11/04/2006	0,00	20							Lần 1	
38	Đặng Hải Đăng	51ĐĐT2	09/08/2006	0,00	20							Lần 1	
39	Phan Thanh Hải	51ĐĐT2	07/11/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
40	Đỗ Xuân Khánh	51ĐĐT2	21/09/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
41	Hoàng Duy Khánh	51ĐĐT2	19/05/2005	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
42	Tống Phú Mạnh	51ĐĐT2	03/12/2006	0,00	20							Lần 1	
43	Nguyễn Đức Minh	51ĐĐT2	12/02/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
44	Nguyễn Thế Nguyên	51ĐĐT2	16/03/2006	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
45	Nguyễn Tiến Phong	51ĐĐT2	02/03/2006	0,00	20			Lần 1				Lần 2	
46	Nguyễn Đức Tài	51ĐĐT2	21/03/2003	0,00	20			Lần 1		Lần 2		Buộc thôi học	
47	Đỗ Minh Thành	51ĐĐT2	08/07/2006	0,00	20					Lần 1		Lần 2	
48	Nguyễn Tiến Thành	51ĐĐT2	01/11/2006	0,00	20					Lần 1		Lần 2	
49	Phan Thể Thao	51ĐĐT2	18/05/2006	1,24	6					Lần 1		Lần 2	
50	Nguyễn Mạnh Hà	52ĐĐT1	05/05/2007	0,62	9							Lần 1	
51	Nguyễn Văn Hiếu	52ĐĐT1	15/01/2007	1,31	5							Lần 1	
52	Vũ Đức Hoàng	52ĐĐT1	31/10/2007	0,00	16							Lần 1	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
53	Phan Quốc Thắng	52ĐĐT1	23/11/2007	1,38	5							Lần 1	
54	Khuất Trọng Bình	52ĐĐT2	22/11/2005	0,00	16							Lần 1	
55	Bùi Quang Dương	52ĐĐT2	05/01/2001	0,00	16							Lần 1	
56	Nguyễn Anh Quân	52ĐĐT2	24/08/2001	0,00	16						Lần 1	Lần 2	
57	Phạm Văn Quý	52ĐĐT2	27/04/2006	1,38	5							Lần 1	
58	Phan Văn Toán	52ĐĐT2	21/08/2001	1,46	4							Lần 1	
59	Lê Bá Vinh	52ĐĐT2	06/02/2007	0,00	16							Lần 1	
60	Đỗ Hoàng Ninh	52LTĐĐT	09/11/2007	0,00	5							Lần 1	
61	Trần Anh Tú	52LTĐĐT	25/11/2007	0,00	5							Lần 1	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
Khoa Chăm sóc sắc đẹp													
Ngành/Nghề: Chăm sóc sắc đẹp (K52: CSSĐ=22TC; K52: LTCSSĐ=8TC)													
62	Bùi Yến Chi	52CSSĐ	02/11/2006	0,00	22							Lần 1	
63	Nguyễn Vũ Phương Nhi	52LTCSSĐ	30/11/2007	0,00	8							Lần 1	
Khoa Đ-TĐH													
Ngành/Nghề: Tự động hóa công nghiệp (K52: TĐH=15TC)													
64	Ngô Đức Mạnh	52TĐH	20/06/2007	0,00	15							Lần 1	
Ngành/Nghề: Điện công nghiệp (K51: ĐCN=12TC; K52: ĐCN=15TC; K52: LTĐCN=5TC)													
65	Phạm Văn Nam	51ĐCN	31/03/2006	0,80	6							Lần 1	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
66	Nguyễn Tiến Nghiệp	51ĐCN	28/02/2006	0,40	8	Lần 1			Lần 2			Buộc thôi học	
67	Nguyễn Văn Phong	51ĐCN	09/07/2006	0,00	12							Lần 1	
68	Trần Văn Thụ	51ĐCN	10/10/2004	0,40	10					Lần 1		Lần 2	
69	Nguyễn Thanh Tùng	51ĐCN	27/05/2006	0,00	12				Lần 1			Lần 2	
70	Hà Tuấn Việt	52ĐCN	26/07/2004	1,25	7							Lần 1	
71	Phạm Văn Lân	52LTĐCN	14/11/2007	0,00	2							Lần 1	
72	Lê Thái Sơn	52LTĐCN	01/11/2007	0,00	2							Lần 1	
II. HỆ TRUNG CẤP													
Khoa CNTT&TT													
Ngành/Nghề: Công nghệ thông tin (K51: IT2= 12TC; K52: IT2=17TC)													

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
73	Nguyễn Thị Yến Nhi	51IT2	27/10/2009	1,20	4					Lần 1		Lần 2	
74	Đào Đình Đạt	52IT2	28/02/2008	0,50	17							Lần 1	
75	Nguyễn Văn Huy	52IT2	04/07/2009	1,46	4							Lần 1	
76	Nguyễn Phương Trang	52IT2	01/06/2009	0,86	8					Lần 1		Lần 2	
Ngành/Nghề: Thiết kế đồ họa (K51: ĐH=11TC)													
77	Trần Thị Thu Hương	51ĐH	07/10/2008	1,22	3							Lần 1	
78	Ngạc Gia Linh	51ĐH	17/11/2009	1,33	3							Lần 1	
Khoa Đ-TĐH													
Ngành/Nghề: Điện công nghiệp (K51: ĐC=15TC)													
79	Phạm Hoàng Minh Tuấn	51ĐC	29/11/2009	1,12	5			Lần 1				Lần 2	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
Khoa ĐT-VT													
Ngành/Nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (K51: ĐT=14TC); (K52: ĐT=17TC)													
80	Nguyễn Thế Duyệt	51ĐT	25/10/2008	0,88	8							Lần 1	
81	Hảng A Lù	51ĐT	13/03/2008	0,75	11							Lần 1	
82	Bùi Đức Duy	52ĐT	24/08/2009	1,39	5							Lần 1	
83	Sùng Seo Hoả	52ĐT	22/10/2010	1,32	5							Lần 1	
84	Lê Minh Khôi	52ĐT	24/02/2008	1,07	9							Lần 1	
Khoa Công nghệ nhiệt lạnh													
Ngành/Nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (K51: ML=16TC), (K52: ML=14TC)													
85	Nguyễn Minh Hiếu	51ML	23/09/2009	0,29	12					Lần 1		Lần 2	

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
86	Đỗ Hoàng Dương	52ML	13/11/2008	0,00	14							Lần 1	
87	Nguyễn Văn Hậu	52ML	04/05/2006	0,00	14							Lần 1	
88	Nguyễn Duy Khánh	52ML	27/08/2010	1,36	6							Lần 1	
89	Nguyễn Đức Tín	52ML	03/02/2005	0,00	14							Lần 1	
Khoa Chăm sóc sắc đẹp													
Ngành/Nghề: Chăm sóc sắc đẹp (K52: SĐ=16TC)													
90	Triệu Linh Chi	52SĐ	13/04/2009	1,35	6							Lần 1	
91	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	52SĐ	29/04/2007	0,00	16							Lần 1	
92	Lê Thị Thu Hà	52SĐ	02/07/2008	0,00	16							Lần 1	
Khoa GDĐC&VHPT													
Ngành/Nghề: Tiếng Đức (K52: TĐ=16TC)													

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm TBT học kỳ (điểm thang 4)	Thông số tín chỉ bị điểm < 4,0 HK2 năm học 2025 - 2026	Mức cảnh báo							Ghi chú
						Năm học 2024 - 2025				Năm học 2025 - 2026			
						HKI		HKII		HKI		HKII	
						QĐ 171/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22/05/2025	QĐ 192/QĐ-CĐĐTĐL ngày 06/06/2025	QĐ 350/QĐ-CĐĐTĐL ngày 16/10/2025	Đợt 2	QĐ 162/QĐ-CĐĐTĐL ngày 07/04/2026	QĐ 187/QĐ-CĐĐTĐL ngày 24/04/2026		
93	Nguyễn Nhật Minh Triết	52TĐ	25/10/2007	0,00	16					Lần 1		Lần 2	
94	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	52TĐ	06/11/2005	0,69	7							Lần 1	

Tổng số: 94 HSSV, trong đó:

Số HSSV bị cảnh báo lần 1: 52
Số HSSV bị cảnh báo lần 2: 23
Số HSSV bị buộc thôi học: 19

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2026

Phòng Quản lý đào tạo

Nguyễn Thị Hương